

Bản án số: 208/2022/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA ,TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. bà Hồng Nguyễn Thị Rạt.

2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: bà Hồng Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: bà Hồng Nguyễn Lê Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2021/TLST – DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 281/2022/QĐXXST – DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hải N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 00, đường Tô Hiến T, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 00, đường Lê Đức T, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho ông N theo ủy quyền:

Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: An T, An D, Tuy An, Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Số 00, đường Lê Đức T, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Trần Anh T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn 2, Đức Chánh, Mộ Đức, Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Số 00, đường Lê Đức T, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy ngày 23 tháng 6 năm 2022)

2. Bị đơn: bà Hồng Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Q, xã Hựu T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2022 và đơn sửa đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2022 cùng các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Phạm Hải N do anh Nguyễn Xuân H và anh Trần Anh T trình bày như sau:

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, do chỗ làm ăn quen biết nên ông N đã cho bà Hồng N vay số tiền 900.000.000đồng, thời hạn vay là 06 tháng và lãi suất vay là 4%/tháng. Tuy nhiên kể từ khi bà Hồng N nhận tiền xong thì không trả cho ông N bất kỳ khoản tiền nào (kể cả gốc và lãi) mặc dù ông N có nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà Hồng N trốn tránh.

Nay ông N yêu cầu bà Hồng N trả số tiền gốc là 900.000.000đồng. Ngoài ra, bà Hồng N trả:

Lãi trong hạn từ ngày 06 tháng 5 năm 2020 đến ngày 06 tháng 11 năm 2020 là $900.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 06\text{ tháng} = 90.000.000\text{đồng}$.

Lãi suất quá hạn từ ngày 07 tháng 11 năm 2020 đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là $900.000.000\text{đồng} \times 150\%/năm \times 20\%/năm \times 20\text{ tháng} = 450.000.000\text{đồng}$.

Lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 07 tháng 11 năm 2020 đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là $90.000.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 20\text{ tháng} = 15.000.000\text{đồng}$.

Tổng cộng 1.455.000.000đồng.

Đối với bị đơn bà Hồng Nguyễn Thị Hồng N, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Hồng N không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của bà Hồng N về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công xét xử đã thực hiện:

+ Thụ lý vụ đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015.

+ Xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thực hiện đúng pháp luật tố tụng về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ quy định tại Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Việc thụ lý vụ án, giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát, cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Về thời hạn xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa

+ Thành phần Hội đồng xét xử có thay đổi so với Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng việc thay đổi Hội thẩm nhân dân đúng quy định tại Điều 47, Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự

Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Chứng cứ thể hiện bà Hồng N có ông N số tiền 900.000.000đồng thể hiện qua Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 06 tháng 5 năm 2020.

Từ khi vay có hứa 06 tháng trả nhưng đến nay bà Hồng Ngọc chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nay ông N yêu cầu bà Hồng N trả số tiền gốc là 900.000.000đồng. Ngoài ra, bà Hồng N trả:

Lãi trong hạn từ ngày 06 tháng 5 năm 2020 đến ngày 06 tháng 11 năm 2020 là $900.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 06\text{ tháng} = 90.000.000\text{đồng}$.

Lãi suất quá hạn từ ngày 07 tháng 11 năm 2020 đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là $900.000.000\text{đồng} \times 150\%/năm \times 20\%/năm \times 20\text{ tháng} = 450.000.000\text{đồng}$.

Lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 07 tháng 11 năm 2020 đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là $90.000.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 20\text{ tháng} = 15.000.000\text{đồng}$.

Tổng cộng 1.455.000.000đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 468 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, về chi phí giám định: ông N có nộp số tiền 7.000.000đồng, đã nộp và chi phí xong. Kết luận giám định là chữ ký và viết của bà Hồng N nên bà Hồng N phải nộp trả lại cho ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn bà Hồng N có hộ khẩu thường trú tại Ấp Q, xã Hựu T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo giấy xác nhận của Công an xã Hựu T ngày 24 tháng 6 năm 2022) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Qua yêu cầu khởi kiện của ông N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 06 tháng 5 năm 2020 thể hiện bà Hồng N có vay của ông N số tiền 900.000.000đồng và thời hạn vay 06 tháng. bà Hồng N vay tiền của ông N hẹn 06 tháng trả nhưng đến nay chưa trả. Nay ông N yêu cầu bà Hồng N trả số tiền gốc là 900.000.000đồng. Ngoài ra, bà Hồng N trả:

Lãi trong hạn từ ngày 06 tháng 5 năm 2020 đến ngày 06 tháng 11 năm 2020 là $900.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 06 \text{ tháng} = 90.000.000\text{đồng}$.

Lãi suất quá hạn từ ngày 07 tháng 11 năm 2020 đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là $900.000.000\text{đồng} \times 150\%/năm \times 20\%/năm \times 20 \text{ tháng} = 450.000.000\text{đồng}$.

Lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 07 tháng 11 năm 2020 đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là $90.000.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 20 \text{ tháng} = 15.000.000\text{đồng}$.

Tổng cộng 1.455.000.000đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 468 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về chi phí giám định: ông N có nộp số tiền 7.000.000đồng, đã nộp và chi phí xong. Kết luận giám định là chữ ký và viết của bà Hồng N nên bà Hồng N phải nộp trả lại cho ông N.

[3] Về án phí: Buộc bà Hồng Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hải N “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” đối với bà Hồng Nguyễn Thị Hồng N.

Buộc bà Hồng Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hải N số tiền gốc là 900.000.000đồng.

Lãi trong hạn từ ngày 06 tháng 5 năm 2020 đến ngày 06 tháng 11 năm 2020 là $900.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 06 \text{ tháng} = 90.000.000\text{đồng}$.

Lãi suất quá hạn từ ngày 07 tháng 11 năm 2020 đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là $900.000.000\text{đồng} \times 150\%/năm \times 20\%/năm \times 20 \text{ tháng} = 450.000.000\text{đồng}$.

Buộc bà Hồng N chịu chi phí giám định: Ông Phạm Hải N có nộp số tiền 7.000.000đồng, đã nộp và chi phí xong. Buộc bà Hồng N phải nộp hoàn trả lại cho ông N.

Tổng cộng 1.462.000.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bà Hồng Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 55.860.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho ông Phạm Hải N số tiền 25.530.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 6945 ngày 28 tháng 6 năm 2022 và số tiền 2.295.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 6986 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án này là sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc ngày niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- Các đương sự
- Chi cụcTHA.
- Lư hồ sơ.
- Lưu án văn.-

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Hiệp